

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 10/2022/HNGĐ-PT

Ngày 18-4-2022

V/v tranh chấp về chia tài sản sau
khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Hà Nam

Các Thẩm phán: Ông Lê Tự Sinh

Bà Đỗ Thị Thúy Năng

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Đình Nam, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 28/2021/TLPT-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2021 về việc tranh chấp về chia tài sản sau khi ly hôn.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 49/2021/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận H, thành phố Đà Nẵng, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 30/2021/QĐ-PT ngày 02 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Mỹ Kim T; sinh năm 1968; cư trú tại: đường P, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Mỹ Kim T là ông Nguyễn Thành Đ; sinh năm 1981; địa chỉ: Đường T, quận H, thành phố Đà Nẵng (Giấy ủy quyền, ngày 26-9-2018). Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Xuân K, sinh năm 1962. cư trú tại: Đường Ô, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Xuân K là ông Nguyễn Hữu L; Luật sư Văn phòng Luật sư M, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Hoàng T; sinh năm 1990; cư trú tại: Đường Ô, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị C; sinh năm 1993; cư trú tại: Đường Ô, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

3. Bà Nguyễn Hoàng U, sinh năm 1994; cư trú tại: Kđường P, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Xuân K, là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Mỹ Kim T, trình bày:

- Bà và ông Nguyễn Xuân K kết hôn vào năm 1989 và đã ly hôn ngày 09-3-2017, theo Bản án số 11/2017/HNGĐ-ST của Tòa án nhân dân quận H, thành phố Đà Nẵng; khi ly hôn thì tài sản chung của bà và ông K chưa phân chia; nay bà xác định về tài sản chung và yêu cầu chia như sau: Trong thời kỳ hôn nhân thì bà và ông K đã tạo lập được 01 căn nhà tại địa chỉ Đường Ô, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng (Sau đây gọi tắt là căn nhà Đường Ô); nhà, đất đã được Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3401040671 ngày 01-6-2001.

- Nay bà yêu cầu được chia cho bà 50% trị giá tài sản chung là căn nhà Đường Ô.

- Đối với yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Xuân K cho rằng bà chiếm đoạt tài sản chung để làm tài sản riêng là không đúng; bà khẳng định, hiện tại bà và ông K chỉ có căn nhà Đường Ô là tài sản chung duy nhất, hiện không có tài sản nào khác.

Bị đơn ông Nguyễn Xuân K, trình bày:

- Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Mỹ Kim T về chia tài sản chung là căn nhà Đường Ô thì ông xác nhận căn nhà này ông và bà T có cùng đứng tên sở hữu chung trong giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất và tại thời điểm ly hôn ngày 09-3-2017 về phần tài sản chung của ông và bà T chưa được phân chia. Về nguồn gốc tạo lập căn nhà Đường Ô thì ông xác định như sau: Từ tháng 3/1988, khi chưa kết hôn với bà T thì ông đã có tiền tích lũy và ba mẹ cho, nên đã cùng với anh ruột là Nguyễn Xuân Hùng chung mua căn nhà tại 340/5 đường Điện Biên Phủ, thành phố Đà Nẵng; qua năm 1989, ông Hùng đã chuyển nhượng toàn bộ căn nhà 340/5 Điện Biên Phủ cho ông; đến năm 1992 thì ông đã bán căn nhà này lấy tiền về mua căn nhà Đường Ô; do đó, căn nhà Đường Ô được mua bằng tiền riêng của ông, còn bà T không có đóng góp gì để tạo lập tài sản này.

- Về yêu cầu chia căn nhà Đường Ô của bà T thì ông đồng ý ngăn chia bằng hiện vật để giữ lại tài sản này cho con cháu và chia theo tỷ lệ cho ông 70%, cho bà T 30%.

- Ngoài tài sản chung là căn nhà Đường Ô nói trên, thì ông và bà T còn có các tài sản chung sau đây và ông yêu cầu chia theo quy định của pháp luật:

1. Số tiền bảo hiểm nhân thọ đóng tại Công ty TNHH bảo hiểm nhân thọ Prudential Việt Nam hiện do bà T đã nhận, quản lý tổng cộng là 34.773.900 đồng (trong đó, trị giá hợp đồng thứ nhất là 25.237.300 đồng và trị giá hoàn lại của hợp đồng thứ hai là 9.536.600 đồng); ông yêu cầu chia đôi khoản tiền này.

2. Căn nhà tại địa chỉ đường P, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng, hiện bà T cùng con gái đang ở; trị giá tạm tính là 1,2 tỷ đồng.

3. Sổ tiết kiệm ở Ngân hàng tại địa chỉ 340 đường Hoàng Diệu, thành phố Đà Nẵng, trị giá tạm tính là 107.650.000 đồng.

4. Ngày 02-12-2010, bà T đã dùng tiền gia đình mua đất của ông Đoàn Văn Thương, giá trị tạm tính là 2,2 tỷ đồng.

5. Đất mua do tiền vay Ngân hàng ngoài quốc doanh, trị giá tạm tính là 800 triệu đồng.

6. Ngày 18-6-2009, bà T mua đất tại khu tái định cư, lô 57, phân khu B2-20 đường 7m50, khu dân cư số 2 Phần Lãng, quận Thanh Khê từ nguồn tiền là ông bán nhà 384/8 đường Điện Biên Phủ; bán đất 270m² và các lô đất khác) ký tại Văn phòng Công chứng Ngọc Yến.

7. Ngày 04-02-2010, bà T mua lô đất số 38, đường 5m5, khu dân cư 265B đường Trần Cao Vân của vợ chồng ông Nguyễn Đình Cẩm và bà Kiều Thị Nghĩa; ký hợp đồng tại Văn phòng Công chứng Bảo Nguyệt.

8. Tổng số tiền 03 hồ sơ gửi tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi nhánh Đà Nẵng là 180,6 triệu đồng (Chứng từ số KU 0046773; Chứng từ số KU 0029074 và Chứng từ số KU 0039284).

9. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 370104, thửa đất số 925, tờ bản đồ số B2.30, diện tích 100m², tại địa chỉ Khu E2 mở rộng (GD2-PK1) Khu dân cư Nam cầu Cẩm Lệ, phường Hòa Xuân, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

10. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 678596, thửa đất số B1.42 (GD2), diện tích 100m², địa chỉ Khu đô thị sinh thái ven sông Hòa Xuân giai đoạn 2, phường Hòa Xuân, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng được Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 28-8-2013.

11. Ngày 21-12-2017, bà T mua thửa đất số 451, tờ bản đồ số 6, địa chỉ H5/10 K106 đường Ngô Gia Tự, thành phố Đà Nẵng; giao dịch tại Văn phòng Công chứng Bảo Nguyệt.

12. Ngày 27-02-2018, bà T mua tiếp nhà 83m² có Giấy chứng nhận số CA 536472 CN 003 địa chỉ H04/19-K37 đường Lương Thế Vinh, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng tại Văn phòng Công chứng số 3 - thành phố Đà Nẵng.

13. Ngày 10-4-2018, bà T mua thửa đất số 27/B2-22, tờ bản đồ số HH3, 100m² tại Khu tái định cư Hòa Hiệp 3, phường Hòa Hiệp Nam, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng; Công chứng tại Văn phòng Công chứng Ngọc Yến - thành phố Đà Nẵng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, thì ông Nguyễn Hoàng T và bà Nguyễn Thị C là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án không có văn bản trình bày ý kiến của mình và không đến Tòa án tham gia tố tụng.

Với nội dung nói trên, Bản án dân sự sơ thẩm số 49/2021/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận H, thành phố Đà Nẵng đã xử và quyết định:

Áp dụng Điều 29, Điều 33, khoản 2 và 3 Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 213 của Bộ luật Dân sự; khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 157, khoản 2 Điều 165, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 230 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 26, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận đơn khởi kiện về việc chia tài sản sau ly hôn của bà Huỳnh Thị Mỹ Kim T. Tuyên xử:

1. Tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của bà Huỳnh Thị Mỹ Kim T và ông Nguyễn Xuân K là nhà và đất tại địa chỉ Đường Ô và lợi nhuận thu được từ Hợp đồng bảo hiểm nhân thọ Prudential số 70288916 và số 72817824 với số tiền tổng cộng là 34.773.900 đồng.

2. Giao cho ông Nguyễn Xuân K sở hữu toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại địa chỉ Đường Ô, có Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 01-6-2001.

3. Ông Nguyễn Xuân K có nghĩa vụ bồi trả cho bà Huỳnh Thị Mỹ Kim T tiền chênh lệch của 50% giá trị nhà và đất nêu trên, số tiền phải bồi trả là 2.733.500.000 đồng.

4. Bà Huỳnh Thị Mỹ Kim T phải bồi trả cho ông Nguyễn Xuân K số tiền lợi nhuận thu được từ Hợp đồng bảo hiểm nhân thọ Prudential là 17.386.950 đồng.

- Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, phí định giá tài sản và quyền kháng cáo cho các đương sự biết theo quy định của pháp luật.

Ngày 15-10-2021, ông Nguyễn Xuân K nộp đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm. Trong đó, ông K không đồng ý với việc xác định tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân chỉ bao gồm: Nhà và đất tại số K54/28A đường Ông Ích Khiêm và lợi nhuận thu được từ hai hợp đồng bảo hiểm nhân thọ Prudential là 34.773.900 đồng; không đồng ý với việc phân chia theo tỷ lệ 50:50; không thu thập chứng cứ đầy đủ ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích của tôi đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm lại vụ án một cách khách quan, đúng pháp luật và đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho tôi.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Xuân K giữ nguyên nội dung kháng cáo. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông K đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để tiến hành thu thập chứng cứ, nhằm bảo vệ các yêu cầu phản tố của ông K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, phần quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 49/2021/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận H, thành phố Đà Nẵng chưa quyết định hết yêu cầu phản tố của bị đơn ông Nguyễn Xuân K là vi phạm quy định tại Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân

sự. Mặt khác, do đây là yêu cầu phản tố của bị đơn nên sẽ liên quan trực tiếp đến việc quyết định về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, do đó cần hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Do hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Xuân K.

[3] Về án phí: Ông Nguyễn Xuân K không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, theo quy định tại khoản 3 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 308 và Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xử hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 49/2021/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận H, thành phố Đà Nẵng để giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308 và Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tuyên xử:

1. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 49/2021/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận H, thành phố Đà Nẵng.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân quận H, thành phố Đà Nẵng giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Xuân K không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; hoàn trả cho ông K số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000425 ngày 29-10-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân quận H
(Kèm theo hồ sơ vụ án);
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Đà Nẵng;
- Chi cục THA dân sự quận H
(để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Hà Nam